

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/DS-PT
Ngày 20-02-2020
V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quán

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Kim Nga
Ông Huỳnh Tuấn Khải

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tấn Phong – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Long An

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 72/2019/DS-PT ngày 23/9/2019 của Toà án nhân dân huyện CG bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Thùy N1, sinh năm 1937.

Địa chỉ: Ấp PT, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lâm Thị C1, sinh năm 1953, địa chỉ: Địa chỉ: Số 1287/21, đường PTH, Phường 5, Quận 8, Thành phố HCM. (theo Giấy ủy quyền ngày 13/4/2018).

2. Bị đơn: Ông Trần Đình L1, sinh năm 1973

Địa chỉ: 42/6, khu phố 4, thị trấn NB, huyện NB, Thành phố HCM.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Thành N2, sinh năm 1989. Địa chỉ: thôn TT, xã HT, huyện BB, tỉnh BT. (theo Giấy ủy quyền chứng thực ngày 30/10/2019).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Ngọc A1, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp 4, xã LH, huyện CG, tỉnh Long An; xin vắng mặt.

4. Người làm chứng: Anh Lê Tấn T1, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: Ấp 2/5, xã LH, huyện CG, tỉnh Long An

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Ngô Thị Thùy N1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Ngô Thị Thùy N1:

Yêu cầu ông Trần Đình L1 trả lại cho bà Ngô Thị Thùy N1 diện tích đất lấn chiếm là $95m^2$ tại vị trí A1 thuộc 01 phần thửa 1704; vị trí B có diện tích $46m^2$, thuộc 01 phần thửa 178 do ông Nguyễn Văn Mỹ đứng tên, loại đất ở tại nông thôn, tọa lại tại ấp PT, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An. Theo Mảnh Trích đo địa chính số 105 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú, được Chi nhánh VPĐKĐĐ tại huyện CG duyệt ngày 27/5/2019. Theo Mảnh trích đo ghi là vị trí tranh chấp, nhưng trên thực tế thì không có tranh chấp diện tích và vị trí này.

Về nguồn gốc đất là của bà Nguyễn Thị Trị được cấp theo chính sách người cày có ruộng vào năm 1970 với diện tích 0002.24.80 theo Trích sao Công báo Việt Nam Cộng Hòa số 25 thêm ngày 22/5/1971 - trang 3292/56. Trước khi mẹ bà chết đã để lại cho bà trực tiếp quản lý, sử dụng đất. Đến năm 1976 thì bà Lê Thị Bảy đến mượn đất xin ở nhờ và sinh sống tại đây. Năm 1990 bà N1 có đi đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu tỉnh (Tất đất tất vàng) đối với nhiều thửa đất trong đó có thửa đất 179 với diện tích $7.500m^2$. Đến năm 1996 theo Chủ trương của Nhà nước là cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thống nhất theo mẫu Trung ương, bà Lê Thị Bảy tự ý đi kê khai. Sau đó bà Bảy được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất xin ở nhờ thuộc 01 phần thửa 179, tờ bản đồ số 02, diện tích $891m^2$ bà N1 không hay biết. Đến năm 2005 bà N1 có xin đăng ký kê khai phần đất của bà Bảy cán bộ địa chính xã mới báo cho bà N1 biết. Lúc này bà N1 phát hiện phần diện tích đất còn lại là đám lá có chiều ngang khoảng 2,9m, chiều dài khoảng 40m vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Do đó bà N1 có làm đơn xin đo đạc đám lá và làm thủ tục xin cấp giấy vào khoảng năm 2008 – 2009 nhưng cán bộ địa chính xã hên lần hên lựa không giải quyết.

Đến năm 2015 bà N1 tiếp tục làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất sót thì mới biết bà Lê Thị Bảy đã được cấp giấy luôn phần đất này và bà Bảy làm thủ tục tặng cho lại cho con của bà là ông Lê Ngọc A1 một phần thửa 179. Sau đó ông A1 chuyển nhượng lại cho ông Trần Đình L1 thuộc thửa đất 1704, tờ bản đồ số 2, diện tích $169m^2$, loại đất ở nông thôn và ông

Trần Đình L1 đã được Ủy ban nhân dân huyện CG cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY216657; sổ vào sổ cấp GCN: 01365 vào ngày 21/01/2015. Sau khi được biết sự việc trên bà N1 có làm đơn khiếu nại yêu cầu giải quyết kéo dài đến nay.

Bị đơn ông Trần Đình L1 trình bày: Ông là chủ sử dụng thửa đất số 1704, tờ bản đồ số 2, diện tích 169m^2 , loại đất thổ, tại ấp PT, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An. Nguồn gốc thửa đất này do ông nhận chuyển nhượng từ ông Lê Ngọc A1 với diện tích 180m^2 nhưng sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ còn 169m^2 . Khi nhận chuyển nhượng không tiến hành đo đạc thực tế vì ông nhận chuyển nhượng trọn thửa đất, hơn nữa trước đó đất đã có trích đo rồi nên không cần làm trích đo tiếp. Khi nhận chuyển nhượng thì toàn bộ thửa đất đã có cọc ranh rõ ràng, cọc bê tông cốt thép và không có ai tranh chấp gì. Hiện tại, toàn bộ các trụ bê tông làm ranh vẫn còn như cũ. Khi nhận chuyển nhượng thì hiện trạng đất đã san nền nhưng còn thấp và có 01 cái chòi lá vách tôn. Sau đó ông dỡ bỏ và tiến hành san nền cao thêm chứ không có lấn ranh của ai cả. Khi mua thì trên đất không có đám lá nào. Do ông nhận chuyển nhượng đất hợp pháp nên ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà C1 đại diện cho bà N1. Còn việc tranh chấp đất giữa bà N1 với bà Bảy, ông A1 thì ông hoàn toàn không biết và không liên quan gì vì ông là người địa phương khác đến mua đất và đất hợp pháp thì ông mua.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Ngọc A1 trình bày: Trước đây ông là chủ của thửa đất 1704; tờ bản đồ số 2, diện tích 169m^2 , loại đất thổ, tại ấp PT, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An. Mặc dù ông đứng tên trên giấy chứng nhận nhưng trên thực tế ông đã cho con ông là Lê Tấn T1 và con ông sau đó chuyển nhượng lại cho ông L1. Ông là người ký tên chuyển nhượng vì giấy tờ ông đứng tên còn vị trí đất có ranh giới, cọc ranh ổn định như ông L1 trình bày. Nay ông đã chuyển nhượng 01 phần đất trên cho ông L1 và ông L1 cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1704 ông không có ý kiến gì. Ông xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết và xét xử vụ án.

Người làm chứng anh Lê Tấn T1 trình bày: Anh là con của ông Lê Ngọc A1. Thửa 1704 hiện do ông Trần Đình L1 đang đứng tên trước đây có nguồn gốc là của ông Lê Ngọc A1. Thửa đất này là do bà nội tên bà Lê Thị Bảy cho cha anh, có diện tích 180m^2 - ngang 6m, dài 30m, tách từ thửa 179. Cha anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Trước năm 2016 cha anh đã cho anh thửa đất 1704 nhưng chưa làm thủ tục tặng cho và cha anh đã vẫn còn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2016 anh có chuyển nhượng ông Trần Đình L1 thửa đất 1704. Mặc dù cha anh

đứng tên nhưng trên thực tế cha anh cho anh và anh đang quản lý, sử dụng. Anh là người đứng ra chuyển nhượng phần đất trên cho ông L1, cha anh chỉ ký tên chuyển nhượng trên giấy tờ. Khi chuyển nhượng đất cho ông L1 là chuyển nhượng trọn thửa, theo trích lục chứ không có đo đạc thực tế. Anh chuyển nhượng hết 180m² và đã giao cho ông L1 đủ diện tích trên. Anh xin đính chính lại lời trình bày của cha anh tại biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2019 là: Diện tích thửa 1708 từ bà nội cho cha anh là 180m² theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 05/11/2011 chứ không phải 169m². Anh cũng đã chuyển nhượng và giao đủ cho ông L1 180m² chứ không phải 169m². Diện tích 169m² chỉ là diện tích sau này ông L1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do thời gian lâu quá nên cha anh không nhớ rõ. Khi anh chuyển nhượng cho ông L1 vị trí đất có ranh giới, cọc ranh ổn định như ông L1 trình bày. Nay anh đã chuyển nhượng thửa đất này cho ông L1, ông L1 cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này nên việc bà N1 tranh chấp với ông L1 thì anh không liên quan nữa, anh cũng không có ý kiến gì trong vụ tranh chấp này.

Các bên không thỏa thuận được.

Ngày 12/8/2019 bà Ngô Thị Thùy N1 khởi kiện.

Ngày 18/10/2019 Tòa án nhân dân huyện CG thụ lý vụ án

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 72/2019/DS-ST ngày 23/9/2019 Tòa án nhân dân huyện CG đã căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 186, Điều 189 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166 và 170 của Luật đất đai năm 2013; Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thùy N1 về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Đình L1 phải trả lại cho bà N1 diện tích đất 95m² tại vị trí A1 thuộc 01 phần thửa 1704, theo Mảnh Trích đo địa chính số 105 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú, được Chi nhánh VPĐKĐĐ tại huyện CG duyệt ngày 27/5/2019 do ông Trần Đình L1 đứng tên quyền sử dụng đất, loại đất ở nông thôn, tọa lại tại ấp PT, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Ngô Thị Thùy N1

Ngoài ra án còn tuyên về quyền kháng cáo.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 23/9/2019 bà Ngô Thị Thùy N1 kháng cáo bản sơ thẩm yêu cầu buộc ông L1 trả lại 95m² đất có vị trí ngang dọc theo đường giao thông 2,9m dài 45m

theo Mệnh trích đo địa chính số 105-2019 ngày 24/5/2019 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất Hưng Phú

Tại Tòa phúc thẩm,

Đại diện cho nguyên đơn bà Lâm Thị C1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút kháng cáo.

Bà Lâm Thị C1 trình bày: Án sơ thẩm bác yêu cầu của bà N1 nhận định bà N1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất bà N1 nhưng bà N1 đã yêu cầu Tòa án thu thập. Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện CG trả lời không có hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L1 bà N1 không có cách nào khác.

Ông A1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của từ bà Bảy diện tích $180m^2$ tách từ thửa 179, trích lục bản đồ địa chính thể hiện chiều ngang 6m, chiều dài 30m nhưng theo ông A1 khai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông ghi $169m^2$. Ông L1 cũng trình bày giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp $169m^2$. Án sơ thẩm không thu thập chứng cứ vì sao có sự chênh lệch này. Cấp sơ thẩm không xem xét vì sao có sự thay đổi vị trí giữa thửa 1704 với 1705 vì theo trích lục bản đồ năm 2001, bản đồ dẫy thửa cho thấy thửa 1704 giáp 1705 và kề thửa 179 của bà Bảy nhưng theo Mệnh trích đo 105-2019 thửa 1704 giáp thửa 2163, kế là thửa 179 kế thửa 1705. Khi đo đạc thửa 1704 vị trí A có diện tích $125m^2$ và khu A1 diện tích $95m^2$ tổng diện tích diện tích $220m^2$ (đã trừ lộ giới 10m) đối chiếu giấy chứng nhận đất của ông L1 được cấp chênh lệch $51m^2$. Theo Mệnh trích đo địa chính số 105-2019 ngày 24/5/2019 của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất Hưng Phú yêu cầu buộc ông L1 trả lại $95m^2$ đất có vị trí ngang dọc theo đường giao thông 2,9m dài 45m.

Bà N1 chỉ biết đất do ông L1 đứng tên quyền sử dụng đất nên kiện ông L1. bà N1 không yêu cầu hủy giấy của bà Bảy hay ông A1. Nhưng theo bà, người trực tiếp xâm phạm quyền sử dụng đất của bà N1 là bà Bảy. Đề nghị Tòa án xem xét.

Bị đơn ông Trần Đình L1 do ông Trần Thành N2 đại diện không đồng ý yêu cầu và trình bày của phía nguyên đơn. Ông L1 chuyển nhượng hợp pháp và sử dụng đúng hiện trạng. Đến nay ranh giới, mốc giới vẫn giữ nguyên, ông L1 không lấn ranh hay thay đổi mốc giới.

Các bên không tranh luận gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Bà N1 kháng cáo đưa ra một số yêu cầu về thu thập chứng cứ để chứng minh diện tích đất nhưng ranh giới mốc giới không đổi. Bà N1 khởi kiện nhưng không chứng minh được quyền sử dụng đất được cấp theo mẫu tạm năm 1990 của Tỉnh có diện tích đất 95m² thuộc thửa 179 sau này là 1704. Cơ quan chức năng không còn lưu giữ nghĩa vụ chứng minh thuộc về đương sự. Hơn nữa ông L1 không trực tiếp xâm phạm quyền sử dụng đất của bà N1 mà thông qua hợp đồng chuyển nhượng đất với ông A1, con của bà Bảy. Án sơ thẩm xét xử là có căn cứ đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tổ tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Ngô Thị Thùy N1 thông qua người đại diện bà Lâm Thị C1 kháng cáo hợp lệ nên được chấp nhận, vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm. Ông A1 không kháng cáo và có lời trình cũng như có yêu cầu vắng mặt, áp dụng quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án cấp phúc thẩm vẫn xét xử.

[1.2] Nguyên đơn bà N1 khởi kiện cho rằng diện tích đất 95m² thuộc quyền sử dụng của bà; bị đơn ông L1 không đồng ý nên Tòa án nhân dân huyện CG xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.3] Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, theo Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 cấp phúc thẩm xét xử toàn bộ vụ án.

[2] Về kháng cáo của nguyên đơn bà Ngô Thị Thùy N1 thấy:

[2.1] Bà N1 khởi kiện yêu cầu buộc ông L1 trả lại cho bà diện tích đất 95m² ngang 2,9m dài khoảng 40m thuộc thửa 179, tờ bản đồ số 02, loại đất ONT tại ấp PT, xã PL. Bà N1 cho rằng diện tích đất này nằm trong tổng diện tích 7.500m² bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bìa trắng (mẫu tạm) số 4501. Năm 1976 bà cho bà Bảy sử dụng một phần thửa 179 diện tích 891m². Phần đất lá ngang 2,9m dài khoảng 40m bà không cho bà Bảy nhưng bà Bảy đã kê khai luôn bà không biết. Sau đó bà Bảy cho con là Lê Ngọc A1 một phần thửa 179 diện tích ngang 6 dài 30m, ông A1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 017766 diện tích 169m² thuộc thửa 1704, tờ bản đồ số 02. Tuy nhiên, căn cứ giấy mẫu tạm bà N1 được cấp tháng 12/1990 không thể hiện có thửa 179 và cũng không có chứng cứ nào chứng minh thửa 179 là một phần của các thửa đất bà N1 được cấp giấy tạm. Cơ quan quản lý đất đai cũng không xác định việc này trong khi việc ông L1 sử dụng đất thông qua một giao dịch dân sự với người thứ ba. Thông qua hợp đồng hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 26/12/2014 từ ông Lê

Ngọc A1 qua ông Trần Đình L1 đối với thửa đất 1704. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng được cơ quan công chứng chứng thực và trên cơ sở hợp đồng này cơ quan quản lý đất đai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L1 số BY 216657 ngày 21/01/2015.

Như vậy, ông L1 không trực tiếp xâm phạm quyền sử dụng đất của bà N1. Theo tinh thần Điều 133 Bộ luật dân sự 2015 quyền sử dụng đất của ông L1 phải được công nhận. Quá trình tranh tụng bà N1 cho rằng việc bà Bảy kê khai đăng ký quyền sử dụng đất diện tích đất của bà sau đó tặng cho đất ông A1. Đất này ông A1 đã chuyển nhượng cho ông L1. Như vậy, người trực tiếp xâm phạm quyền sử dụng đất của bà N1 (nếu có) là bà Bảy, ông L1 không lấn chiếm đất thuộc quyền sử dụng đất của Bà N1.

[2.3] Do bà N1 không khởi kiện hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Bảy, ông A1 cũng không kiện hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông A1 và ông L1 nên vấn đề này chưa được xem xét. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[2.4] Bà N1 kháng cáo yêu cầu thu thập thêm chứng cứ đối với diện tích đất bà Bảy cho ông A1 cũng như vị trí thửa đất 1704, 1705 so với bản đồ địa chính năm 2001. Nhưng, như nhận định trên, vấn đề này không làm thay đổi bản chất quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông L1. Mặt khác, các bên trình bày thống nhất khi chuyển nhượng không đo đạc mà chuyển nhượng trọn thửa, khi chuyển nhượng có xác định ranh và ranh giới, mốc giới hiện vẫn còn giữ nguyên.

[3] Án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà N1 là có căn cứ cho nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

[4] Về án phí phúc thẩm, áp dụng Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, kháng cáo không được chấp nhận bà Nhu phải chịu nhưng bà N1 được miễn theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, không tạm ứng nên không hoàn trả.

[5] Về chi phí tố tụng, án sơ thẩm chỉ nhận định bên bà N1 phải chịu đã nộp xong nên không xét đến và không tuyên trong quyết định là không đúng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Cấp phúc thẩm tuyên lại cho đầy đủ, cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[6] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm giữ nguyên có hiệu lực.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 308, Điều 293 và Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Thùy N1.

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165, Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Điều 105, Điều 106 Luật Đất đai năm 2003; Căn cứ Điều 100, Điều 166 Luật đất đai 2013; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 2014 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Thùy N1 đối với ông Trần Đình L1 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

Bác yêu cầu của bà Ngô Thị Thùy N1 về việc yêu cầu ông Trần Đình L1 trả lại diện tích đất 95m² thuộc một phần thửa 1704, tờ bản đồ số 02, loại đất ONT tọa lạc tại ấp PT, xã PL, huyện CG, tỉnh Long An. Vị trí A1 theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính của Công ty TNHH đo đạc Nhà đất Hưng Phú được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện CG duyệt ngày 27/5/2019.

2. Về chi phí đo đạc, định giá và thẩm định tại chỗ: 10.200.000đ. Buộc bà Ngô Thị Thùy N1 phải chịu (đã nộp xong).

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Ngô Thị Thùy N1. Do không nộp tạm ứng nên không phải thối hoàn.

4 Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện CG;
- Chi cục THADS huyện CG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Quán

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Phúc – Lê Thị Kim Nga

Trần Văn Quán